

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,285,420,022,658	987,085,043,870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	336,917,522,351	74,289,026,051
1. Tiền	111		142,417,522,351	69,289,026,051
2. Các khoản tương đương tiền	112		194,500,000,000	5,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66,540,734,528	51,066,047,075
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140,694,265,680	142,758,654,627
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(74,153,531,152)	(91,692,607,552)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		854,325,171,712	837,634,755,419
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133,013,236,255	348,219,640,981
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	47,086,464,628	55,482,460,054
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	133,545,000,000	68,730,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	693,834,421,912	375,421,507,100
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(153,153,951,083)	(10,218,852,716)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		32,185,773	13,810,146,877
1. Hàng tồn kho	141	V.8	32,185,773	13,810,146,877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27,604,408,294	10,285,068,448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	694,584,680	2,580,391,384
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.17a,b	18,506,647,041	2,825,249,535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a,b	8,403,176,573	4,879,427,529
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,564,817,641,328	5,463,595,653,155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37,005,000,000	44,670,643,300
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	37,005,000,000	44,670,643,300
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		376,074,711,779	356,963,553,027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	299,954,770,899	304,806,601,077
- Nguyên giá	222		473,317,186,811	686,472,984,744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173,362,415,912)	(381,666,383,667)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	64,828,449,857	49,233,149,725
- Nguyên giá	225		92,987,286,021	61,557,635,228
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28,158,836,164)	(12,324,485,503)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	11,291,491,023	2,923,802,225
- Nguyên giá	228		21,027,746,542	11,479,612,753
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,736,255,519)	(8,555,810,528)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17,885,070,242	46,730,544,421
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	17,885,070,242	46,730,544,421
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5,103,579,220,896	4,980,570,959,459
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3,857,249,567,918	3,483,957,013,178
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,529,391,295,376	1,528,031,495,376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	186,457,032,000	326,872,332,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(469,518,674,398)	(358,289,881,095)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30,273,638,411	34,659,952,948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	18,533,323,607	22,899,023,017
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	11,740,314,804	11,760,929,931
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,850,237,663,986	6,450,680,697,025

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,297,572,328,739	2,044,932,182,921
I. Nợ ngắn hạn	310		1,026,006,484,364	1,811,794,809,758
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	39,481,918,431	69,814,499,393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	23,172,673,918	26,903,799,946
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a,b	7,270,835,408	1,072,859,827
4. Phải trả người lao động	314	V.18	16,619,782,087	23,645,500,704
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	9,191,422,615	231,369,901,444
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	453,425,389,575	57,737,435,423
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	373,482,529,032	1,300,312,670,129
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	60,402,312,740	81,611,050,383
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	42,959,620,558	19,327,092,509
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		271,565,844,375	233,137,373,163
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	-	369,695,847
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	270,217,938,887	222,922,009,145
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	1,347,905,488	9,845,668,171
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,552,665,335,247	4,405,748,514,104
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,552,665,335,247	4,405,748,514,104
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2,882,769,570,000	1,794,322,810,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,882,769,570,000	1,794,322,810,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1,941,832,197,040	1,872,171,604,400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69,388,382,902	69,388,382,902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(478,407,072)	(328,936,886)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72,682,100,796	72,682,100,796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69,568,035,889	69,568,035,889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	516,903,455,692	527,944,517,003
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67,631,288,681	376,552,407,213
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		449,272,167,011	151,392,109,790
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,850,237,663,986	6,450,680,697,025

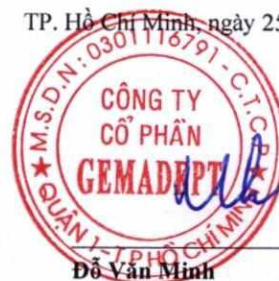
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2018



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**
Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	40,172,601,782	260,829,510,691	609,970,009,091	877,328,450,192
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	40,172,601,782	260,829,510,691	609,970,009,091	877,328,450,192
4	Giá vốn hàng bán	36,147,584,816	211,134,168,523	565,052,478,234	751,608,183,263
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	4,025,016,966	49,695,342,168	44,917,530,857	125,720,266,929
6	Doanh thu hoạt động tài chính	437,556,915,542	72,301,573,899	889,185,512,251	393,124,334,036
7	Chi phí tài chính	16,309,201,174	93,790,259,480	168,167,012,393	232,393,336,205
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	5,962,817,042	24,698,507,878	72,852,035,825	77,931,765,360
8	Chi phí bán hàng	713,189,776	873,097,958	7,521,867,791	7,417,766,998
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41,091,628,005	37,874,905,572	259,003,639,673	117,417,309,634
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	383,467,913,553	(10,541,346,943)	499,410,523,251	161,616,188,128
11	Thu nhập khác	6,147,060,937	57,664,948,735	38,158,965,840	16,729,516,419
12	Chi phí khác	34,638,583,414	29,848,293	85,199,245,984	23,364,971,549
13	Lợi nhuận khác	(28,491,522,477)	57,635,100,442	(47,040,280,144)	(6,635,455,130)
14	Lợi nhuận trước thuế	354,976,391,076	47,093,753,499	452,370,243,107	154,980,732,998
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10,291,905,311	2,520,174,158	11,575,223,652	4,079,147,133
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(9,106,188,752)	(348,055,767)	(8,477,147,556)	(490,523,925)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	353,790,674,517	44,921,635,108	449,272,167,011	151,392,109,790

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2018




 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	452,370,243,107	154,980,732,998
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	62,230,975,562	76,167,652,686
- Các khoản dự phòng	03	236,624,815,270	134,043,268,918
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7,373,916,814)	18,802,439,369
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(879,718,578,627)	(394,084,199,288)
- Chi phí lãi vay	06	72,852,035,825	77,931,765,360
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(63,014,425,677)	67,841,660,043
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	150,108,928,961	53,681,548,002
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	13,777,961,104	301,063,089
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(425,647,119)	35,004,829,489
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6,251,506,114	(5,360,149,419)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	2,064,388,947	(1,036,455,585)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(36,542,021,660)	(7,309,917,063)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,788,104,675)	(36,129,439,264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20,476,366,359)	(10,299,675,017)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49,956,219,636	96,693,464,275
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(215,866,233,241)	(97,933,667,178)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	166,594,377,102	66,448,803,638
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(326,350,000,000)	(199,100,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	261,535,000,000	157,770,000,000

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

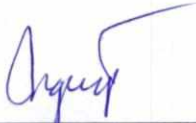
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
5 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(325,517,937,050)	(918,434,703,750)
6 Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	140,415,300,000	4,382,494,721
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	511,114,596,254	616,126,627,459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	211,925,103,065	(370,740,445,110)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	536,727,210,353	259,779,139,586
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(516,093,998,671)	(32,652,155,252)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(19,821,961,924)	(12,540,424,527)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(239,243,481,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	811,249,758	(24,656,921,193)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	262,692,572,459	(298,703,902,028)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	74,289,026,051	372,600,229,370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(64,076,159)	392,698,709
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	336,917,522,351	74,289,026,051

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2018



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không.
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Công ty đã chấm dứt hoạt động của một số đơn vị thành viên bao gồm: Xí nghiệp Vận tải biển Hữu Nghị, Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng và Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội; đồng thời bảo lãnh vay vốn cho Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 03 tháng 4 năm 2017.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 051/GMD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành cổ phần và tái cấu trúc Công ty, thực hiện thoái vốn tại một số công ty thành viên để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, cụ thể như sau:

- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành cổ phần;
- Thành lập Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding và góp vốn bằng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept, Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng và Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Điện lực;
- Thành lập Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding và góp vốn bằng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept, đồng thời chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd;
- Hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 15% vốn góp trong Công ty TNHH CJ Việt Nam;
- Ký hợp đồng chuyển nhượng 50,90% vốn góp trong Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding và 49% vốn góp trong Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding;

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 51% vốn góp trong Công ty Cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadep.

Theo Quyết định số 2513/QĐ-CT-XP ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc không phải nộp tiền phạt thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 21.054.124.191 VND, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng phải trả liên quan đến khoản tiền phạt này vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Trong kỳ, Công ty tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương và Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadep.

Cấu trúc Công ty

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết (Xem thuyết minh số V.2b)

Các đơn vị trực thuộc và chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Vương quốc Campuchia

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có 169 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 272 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Quý 4 năm 2017 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm, chi phí lãi thuê tài chính container, chi phí sửa chữa ... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

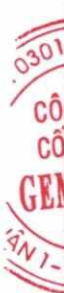
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.928.760.727	3.261.112.491
Tiền gửi ngân hàng	138.837.242.396	65.091.404.248
Tiền đang chuyển	651.519.228	936.509.312
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	<u>194.500.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Cộng	<u>336.917.522.351</u>	<u>74.289.026.051</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)	94.971.030.000	33.586.094.400	(61.384.935.600)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)	31.488.264.362	15.053.803.500	(16.434.460.862)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	512.500	(253.990)	2.065.039.165	2.218.072.200	(253.990)
Cộng	<u>140.694.265.680</u>	<u>6.6540.850.800</u>	<u>(74.153.531.152)</u>	<u>142.758.654.627</u>	<u>51.219.334.100</u>	<u>(91.692.607.552)</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực Góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	35.000.000.000	35.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd ⁽ⁱ⁾	-	-	-	15.206.200.000
Gemadept (S) Pte Ltd	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	-	-	-	200.000.000.000
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực Góp		
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	-	-	-	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	100,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	13,75	82.500.000.000	81.700.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	100,00	586.721.892.380	586.721.892.380
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	75,61	801.823.100.000	790.482.100.000
Công ty cổ phần Niềm Kiêu hãnh Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	29,23	183.045.245.550	55.647.500.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	100,00	10,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần ICD Nam Hải ^(v)	65,00	65,00	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	60,00	60,00	360.000.000.000	360.000.000.000
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding ^(vi)	100,00	100,00	267.797.641.500	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding ^(vi)	100,00	100,00	205.086.700.000	-
Cộng			3.857.249.567.918	3.483.957.013.178

- (i) Giám do sử dụng toàn bộ phần vốn góp để góp vốn vào Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding và Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding.
- (ii) Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.
- (iii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (iv) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (v) Công ty Cổ phần Logistics Nam Hải được đổi tên thành Công ty Cổ phần ICD Nam Hải (tên viết tắt là Nam Hải ICD) theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0201639540, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 31 tháng 03 năm 2017.
- (vi) Công ty mới thành lập. Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng một phần vốn góp và đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	62.538.064.097	62.538.064.097
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực ⁽ⁱ⁾	-	-	-	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	32,56	32,56	393.773.440.000	393.773.440.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	41,67	41,67	834.150.000.000	834.150.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	40,00	89.355.403.136	89.355.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱⁱ⁾	50,00	50,00	71.352.500.000	46.756.500.000
Cộng			1.529.391.295.376	1.528.031.495.376

(i) Giám do sử dụng toàn bộ phần vốn góp để góp vốn vào Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding.

(ii) Tỷ lệ sở hữu của Công ty giám do đơn vị phát hành thêm cổ phiếu.

(iii) Tăng do tăng vốn điều lệ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	140.415.300.000
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	15.876.000.000	15.876.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	186.457.032.000	326.872.332.000

(i) Giám do chuyển nhượng toàn bộ vốn góp

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(253.729.802.423)	(154.556.245.017)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(98.900.207.440)	(86.459.334.415)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(3.316.232.535)	(3.701.869.663)
Cộng	(469.518.674.398)	(358.289.881.095)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất		
Chi phí dịch vụ	273.853.718	17.108.426
Doanh thu dịch vụ	634.909.091	-
Vay	16.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	164.444.445	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Lợi nhuận được chia	7.000.000.000	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	231.398.136	377.230.487
Lợi nhuận được chia	7.329.473.030	4.478.000.000
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	3.116.551.711	16.850.966.419
Chi phí dịch vụ	29.006.482.000	59.547.150.000
Thu hộ	5.968.078.038	-
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho thuê tài sản	27.201.465.295	74.448.818.175
Bán tài sản cố định	36.616.803.100	32.627.272.726
Doanh thu dịch vụ	1.348.346.694	6.015.332.273
Chi phí dịch vụ	6.231.010.959	27.613.860.684
Góp vốn	-	100.000.000.000
Cho vay	107.000.000.000	79.000.000.000
Lãi cho vay	1.659.000.003	1.686.163.889
Lợi nhuận được chia	59.000.000.000	9.000.000.000
Chi hộ	272.295.200	1.555.438.275
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	159.780.075.292	64.500.000.000
Chi hộ	2.862.484.321	4.787.827.518
Cho vay	172.300.000.000	25.000.000.000
Lãi cho vay	272.442.917	51.111.111
Doanh thu dịch vụ	9.596.937.458	25.905.816.231
Doanh thu cho thuê tài sản	3.580.357.910	408.818.182
Chi phí dịch vụ	260.160.651	21.343.673.165
Thu hộ	40.046.137.808	-
Nhận ứng tiền cung cấp dịch vụ	-	6.000.000.000
Vay	44.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	335.051.111	-
Bán tài sản cố định	60.500.000	-

T.C.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Lợi nhuận được chia	23.061.901.345	6.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	64.550.059.753	68.822.487.127
Doanh thu cho thuê tài sản	13.629.451.613	17.857.454.545
Chi phí dịch vụ	66.151.124.985	69.023.631.522
Chi hộ	100.478.297	180.136.095
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	6.624.000.000	-
Công ty TNHH ISS Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	-	7.973.286
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Cổ tức được chia	107.309.685.023	100.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	6.788.842.316	4.800.000.000
Chi phí dịch vụ	1.545.057.822	1.727.758.068
Bán tài sản cố định	12.102.199.910	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Cổ tức được chia	352.381.452.500	152.381.452.500
Vay	235.000.000.000	100.000.000.000
Lãi vay	4.085.138.891	3.570.138.892
Chi phí dịch vụ	488.655.111	1.741.093.855
Doanh thu dịch vụ	11.403.309.296	16.363.636.364
Bán tài sản cố định	68.362.971.727	-
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Chi hộ	212.595.381	210.128.624
Lợi nhuận được chia	2.000.000.000	-
Vay	27.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	325.666.665	-
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Chi hộ	422.142.156	1.394.179.800
Góp vốn	800.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ tin học VI Tín		
Chi phí dịch vụ	1.718.181.818	1.418.181.818
Góp vốn	-	500.000.000
Chi hộ	2.396.905.171	-
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương		
Góp vốn	-	64.396.263.750

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	11.341.000.000	44.935.000.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	2.652.955.489	-
Chi phí dịch vụ	282.126.460	906.659.591
Bán tài sản cố định	-	28.526.363.637
Công ty cổ phần Niềm Kiêu hãnh Thái Bình Dương		
Góp vốn	127.397.745.550	55.647.500.000
Được chi hộ phải trả	566.531.235	-
Công ty cổ phần ICD Nam Hải		
Cho vay	44.000.000.000	47.000.000.000
Lãi cho vay	5.478.222.221	847.477.778
Doanh thu dịch vụ	-	263.859.818
Bán tài sản cố định	1.579.787.092	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	6.360.640	179.995.173
Cổ tức được chia	82.987.380.000	35.312.500.000
Đầu tư thêm	-	252.523.440.000
Công ty cổ phần Cảng Nam Đình Vũ		
Góp vốn	-	360.000.000.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	264.000.000	264.000.000
Lãi vay	1.240.875.200	1.247.561.869
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	324.258.955	306.689.003
Góp vốn	24.596.000.000	40.432.500.000
Cho vay	3.000.000.000	4.500.000.000
Lãi cho vay	8.666.667	15.000.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	-	2.410.356.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd		
Chi hộ	20.647.334.268	18.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	-	259.001.900
Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Điện lực		
Cổ tức được chia	1.072.446.000	1.394.179.800
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Cho vay	50.000.000	3.600.000.000
Lãi cho vay	-	1.034.882.222
Công ty cổ phần Mekong Logistics		
Chi phí dịch vụ	25.345.455	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Chi hộ	191.990.000	-
Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept		
Góp vốn	63.300.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	33.366.475.120	-
Chi phí dịch vụ	8.161.571.894	-
Thu hộ	20.385.859.866	-
Phải thu khác	3.258.681.547	-
Lợi nhuận được chia	25.132.953.120	-
Chi hộ	646.338.664	-
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding		
Góp vốn	267.797.641.500	-
Doanh thu dịch vụ	67.548.800	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding		
Góp vốn	205.086.700.000	-
Doanh thu dịch vụ	81.058.560	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	73.981.844.315	223.465.585.775
<i>Gemadept (S) Pte, Ltd.</i>	-	107.505.171.770
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	17.144.944.275	69.785.015.201
<i>Các bên liên quan khác</i>	56.836.900.040	46.175.398.804
Phải thu các khách hàng khác	59.031.391.940	124.754.055.206
Cộng	133.013.236.255	348.219.640.981

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	5.900.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	-	5.900.000.000
Trả trước cho người bán khác	47.086.464.628	49.582.460.054
<i>Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ Đất Việt</i>	-	164.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn</i>	-	2.000.000.000
<i>Reefertec Pte Ltd</i>	2.644.533.714	447.392.820
<i>Smartz Pte Ltd</i>	1.456.192.555	1.226.605.762
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	42.985.738.359	45.744.461.472
Cộng	47.086.464.628	55.482.460.054

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan vay	122.545.000.000	48.730.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	26.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần ICD Nam Hải</i>	81.000.000.000	-
<i>Các bên liên quan khác</i>	15.545.000.000	48.730.000.000
Các tổ chức khác vay	11.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	133.545.000.000	68.730.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	630.236.763.241	313.508.346.413
<i>Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Các khoản chi hộ dự án cao su</i>	79.470.251.520	102.522.388.153
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ</i>	21.225.867.164	44.150.827
<i>Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Ký quỹ thuê tàu</i>	29.458.000.000	45.440.000.000
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản chi hộ</i>	113.372.510.867	116.505.488.355
<i>Các bên liên quan khác</i>	386.710.133.690	48.996.319.078
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	63.597.658.671	61.913.160.687
<i>Tạm ứng</i>	38.172.040.862	39.455.111.148
<i>Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý</i>	4.808.856.213	4.832.506.652
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	20.616.761.596	17.625.542.887
Cộng	693.834.421.912	375.421.507.100

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ký quỹ	5.000.000	7.670.643.300
Cộng	37.005.000.000	44.670.643.300

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(10.218.852.716)	-	(10.218.852.716)
(Tăng)/giảm trong kỳ	(142.935.098.367)	-	(142.935.098.367)
Số cuối kỳ	(153.153.951.083)	-	(153.153.951.083)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nhiên liệu trên tàu	-	-	11.474.732.064	-
Hàng hóa	32.185.773	-	2.335.414.813	-
Cộng	32.185.773	-	13.810.146.877	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	379.051.790	689.789.133
Chi phí vật tư	-	1.223.105.555
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	315.532.890	667.496.696
Cộng	694.584.680	2.580.391.384

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi thuê tài chính container	17.701.641.274	14.531.883.251
Chi phí sửa chữa	-	7.516.342.650
Các chi phí trả trước dài hạn khác	831.682.333	850.797.116
Cộng	18.533.323.607	22.899.023.017

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.051.904.132	11.327.933.357	661.717.624.898	7.375.522.357	686.472.984.744
Tăng trong kỳ	-	-	236.025.268.267	73.636.364	236.098.904.631
Giảm trong kỳ	-	(6.853.460.789)	(440.621.625.806)	(1.760.342.384)	(449.235.428.979)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	(18.896.184)	(377.401)	(19.273.585)
Số cuối kỳ	6.051.904.132	4.474.472.568	457.102.371.175	5.688.438.936	473.317.186.811
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.365.500.641	10.154.565.674	358.902.175.566	7.244.141.786	381.666.383.667
Tăng trong kỳ	343.963.559	23.361.539	44.786.326.456	62.528.356	45.216.179.910
Giảm trong kỳ	-	(5.785.901.185)	(245.968.643.483)	(1.760.342.384)	(253.514.887.052)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	(4.869.053)	(391.560)	(5.260.613)
Số cuối kỳ	5.709.464.200	4.392.026.028	157.714.989.486	5.545.936.198	173.362.415.912
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	686.403.491	1.173.367.683	302.815.449.332	131.380.571	304.806.601.077
Số cuối kỳ	342.439.932	82.446.540	299.387.381.689	142.502.738	299.954.770.899

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 179.609.818.541 VND và 173.710.982.458 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	61.557.635.228
Tăng trong kỳ	31.429.650.793
Số cuối kỳ	92.987.286.021
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	12.324.485.503
Tăng trong kỳ	15.834.350.661
Số cuối kỳ	28.158.836.164
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	49.233.149.725
Số cuối kỳ	64.828.449.857

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	10.208.082.743	11.479.612.753
Tăng khác	-	9.548.133.789	9.548.133.789
Số cuối kỳ	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.555.810.528	8.555.810.528
Khấu hao trong kỳ	-	1.180.444.991	1.180.444.991
Số cuối kỳ	-	9.736.255.519	9.736.255.519
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	1.652.272.215	2.923.802.225
Số cuối kỳ	1.271.530.010	10.019.961.013	11.291.491.023

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	630.000.000
Phần mềm Oracle	9.800.910.438	1.102.398.793	(9.548.133.789)	1.355.175.442
Chi phí mua cầu, xe nâng, xe đầu kéo, romooc	31.679.789.600	1.090.408.727	(16.930.303.527)	15.839.894.800
Chi phí khác	4.619.844.383	37.232.350.544	(41.792.194.927)	60.000.000
Cộng	46.730.544.421	39.425.158.064	(68.270.632.243)	17.885.070.242

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	17.140.720.693	10.558.591.035
<i>Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept</i>	3.846.876.833	9.388.155.463
<i>Các bên liên quan khác</i>	13.293.843.860	1.170.435.572
Phải trả các nhà cung cấp khác	22.341.197.738	59.255.908.358
<i>Phnom Penh Autonomous Port</i>	13.638.422.452	18.043.300.713
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	8.702.775.286	41.212.607.645
Cộng	39.481.918.431	69.814.499.393

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên liên quan trả tiền trước	-	20.101.774.665
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>	-	14.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept</i>	-	6.000.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>	-	101.774.665
Các khách hàng khác trả tiền trước	23.172.673.918	6.802.025.281
<i>Công ty TNHH Express Trains Ath</i>	-	1.750.000.000
<i>Hyundai Logistics (Singapore) Pte., Ltd</i>	-	1.776.278.048
<i>Công ty TNHH Hyosung Việt Nam</i>	17.879.882.833	-
<i>Các khách hàng khác</i>	5.292.791.085	3.275.747.233
Cộng	23.172.673.918	26.903.799.946

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Số đầu năm	Số được khấu trừ trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT được khấu trừ	2.825.249.535	51.112.056.580	(35.430.659.074)	18.506.647.041
Cộng	2.825.249.535	51.112.056.580	(35.430.659.074)	18.506.647.041

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT phải thu	3.040.540.898	12.637.087.559	(15.990.887.559)	6.394.340.898
Các loại thuế khác	1.838.886.631	5.809.503	(175.758.547)	2.008.835.675
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>632.348.118</i>	<i>-</i>	<i>(62.167.932)</i>	<i>694.516.050</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>	<i>892.174.402</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>892.174.402</i>
<i>Thuế môn bài</i>	<i>900.000</i>	<i>5.000.000</i>	<i>(4.100.000)</i>	<i>-</i>
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	<i>313.464.111</i>	<i>809.503</i>	<i>(109.490.615)</i>	<i>422.145.223</i>
Cộng	<u>4.879.427.529</u>	<u>12.642.897.062</u>	<u>(16.166.646.106)</u>	<u>8.403.176.573</u>

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT phải nộp	-	17.690.331.057	(17.690.331.057)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	128.692.485	(128.692.485)	-
Thuế TNDN	-	1.507.015.535	(1.507.015.535)	-
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	6.505.534.612	-	6.505.534.612
Thuế thu nhập cá nhân	309.209.940	5.767.715.102	(5.782.819.386)	294.105.656
Thuế GTGT nhà thầu	181.772.728	3.510.279.527	(3.565.467.882)	126.584.373
Thuế TNDN nhà thầu	420.333.694	15.062.477.265	(15.305.486.116)	177.324.843
Cộng	<u>911.316.362</u>	<u>50.172.045.583</u>	<u>(43.979.812.461)</u>	<u>7.103.549.484</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII quý họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	161.543.465	286.831.599	(281.089.140)	167.285.924
Cộng	161.543.465	281.089.140	(281.089.140)	167.285.924

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	6.285.908.465	5.058.326.384
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link - Chi phí lãi vay</i>	6.285.908.465	5.058.326.384
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.905.514.150	226.311.575.060
<i>Chi phí lãi vay</i>	712.249.966	214.394.444.476
<i>Các chi phí phải trả ngắn hạn khác</i>	2.193.264.184	11.917.130.584
Cộng	9.191.422.615	231.369.901.444

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	15.623.675.320	49.403.056.208
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác</i>	321.868.893	321.868.893
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Phải trả tiền hỗ trợ vốn</i>	4.595.839.422	5.895.839.422
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – Phải trả tiền hỗ trợ vốn</i>	-	3.477.871.551
<i>Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – Phải trả tiền hỗ trợ vốn</i>	2.142.000.000	2.142.000.000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – Các khoản thu hộ và phải trả khác</i>	1.677.414.393	1.869.404.393
<i>Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. – Các khoản thu hộ</i>	-	525.807.715
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Khác</i>	267.759.420	1.147.966.341
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>	197.916.667	30.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV vận tải biển Gemadept</i>	3.755.249.639	-
<i>Phải trả các bên liên quan khác</i>	2.665.626.886	4.022.297.893
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	437.801.714.255	8.334.379.215
<i>Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý</i>	121.565.968	936.025.349
<i>Cổ tức phải trả</i>	432.610.127.850	194.692.350

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	5.070.020.437	7.203.661.516
Cộng	453.425.389.575	57.737.435.423

20b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	318.776.728.013	345.422.009.140
<i>Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất quy định trong hợp đồng</i>	244.776.728.013	245.422.009.140
<i>Vay Công ty cổ phần cảng Nam Hải-Đình Vũ</i>	50.000.000.000	100.000.000.000
<i>Vay các bên liên quan khác</i>	24.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	54.705.801.019	954.890.660.989
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế⁽ⁱ⁾</i>	19.127.886.823	5.479.139.586
<i>Vay ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam</i>	729.387.696	-
<i>Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P⁽ⁱⁱ⁾</i>	-	900.800.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả khác</i>	13.477.740.000	33.752.466.668
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	21.370.786.500	14.859.054.735
Cộng	373.482.529.032	1.300.312.670.129

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bất động sản tại 41 Quang Trung, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

(ii) Chuyển đổi nợ vay thành cổ phiếu.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	204.349.060.000	168.869.283.332
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</i>	-	26.635.950.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn</i>	-	42.233.333.332
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn</i>	100.000.000.000	100.000.000.000
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông⁽ⁱ⁾</i>	104.349.060.000	-
Nợ thuê tài chính	65.868.878.887	54.052.725.813
<i>Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC</i>	65.868.878.887	54.052.725.813
Cộng	270.217.938.887	222.922.009.145

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Green Pacific.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.845.668.171	10.859.339.931
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(8.497.762.683)	(1.013.671.760)
Số cuối kỳ	<u>1.347.905.488</u>	<u>9.845.668.171</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	2.882.769.570.000	1.794.322.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	1.872.171.604.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(478.407.072)	(328.936.886)
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	72.682.100.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	69.568.035.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	516.903.455.692	527.944.517.003
Cộng	<u>5.552.665.335.247</u>	<u>4.405.748.514.104</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	288.276.957	179.432.281
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	288.276.957	179.432.281
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	288.276.957	179.432.281
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	288.276.957	179.432.281
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	609.970.009.091	877.328.450.192
Cộng	609.970.009.091	877.328.450.192

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	565.052.478.234	751.608.183.263
Cộng	565.052.478.234	751.608.183.263

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	362.710.875	6.401.736.504
Lãi tiền cho vay	8.959.442.920	3.714.935.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	855.059.846.159	377.787.366.236
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.251.012.973	4.076.498.211
Lãi đầu tư chứng khoán, doanh thu tài chính khác	17.552.499.324	1.143.798.085
Cộng	889.185.512.251	393.124.334.036

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	72.852.035.825	77.931.765.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	22.382.434.249
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	93.689.716.903	130.618.210.512
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	728.205.279
Chi phí tài chính khác	1.625.259.665	732.720.805
Cộng	168.167.012.393	232.393.336.205

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	55.235.886.002	51.877.112.062
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.353.017.060	1.601.285.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.647.392.597	3.284.405.363
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	142.935.098.367	3.425.058.406
Chi phí văn phòng	23.108.085.400	26.606.639.040
Chi phí khác	30.724.160.247	30.622.809.181
Cộng	259.003.639.673	117.417.309.634



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2017**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản	15.121.911.169	13.310.103.331
Hoàn nhập dự phòng phải trả tiền chậm nộp thuế	21.054.124.191	-
Thu nhập khác	1.982.930.480	3.419.413.088
Cộng	38.158.965.840	16.729.516.419

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn	15.305.621.621	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính về thuế	-	21.351.347.634
Chi phí khác	69.893.624.363	2.013.623.915
Cộng	85.199.245.984	23.364.971.549

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.027.020.167	147.542.986.952
Chi phí nhân công	80.085.131.349	93.099.686.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.230.975.562	76.167.652.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.492.972.343	520.039.479.894
Chi phí khác	185.741.886.277	39.593.453.888
Cộng	831.577.985.698	876.443.259.895


10. Giải trình biến động lợi nhuận quý 4 năm 2017

	Quý 4 năm 2017	Quý 4 năm 2016	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	353.790.674.517	44.921.635.108	308.869.039.409


Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2017 đạt trên 353 tỷ đồng, tăng hơn 308 tỷ đồng so với quý 4 năm 2016 chủ yếu do Công ty nhận cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2018


Trương Như Nguyên
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc